

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2021/HNGĐ – ST

Ngày 29 tháng 6 năm 2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly
hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Mai;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Đức Trường và ông Nguyễn Đức Nghị .

- Thư ký phiên tòa: Ông Tân Khải Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Xuân Tiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2021/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2021/QĐST – HNGĐ ngày 31/5/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Lục Thị H**, sinh năm 1995 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Khu 6, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn: Ông Bùi Đức D – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ (có mặt).

Bị đơn: **Anh Hà Văn X**, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khu 6, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/3/2021 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Lục Thị H trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ngày 28/9/2012, chị và anh Hà Văn X đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi đăng ký kết hôn, chị và anh X ở cùng bố mẹ đẻ anh X tại khu 6, xã T. Quá trình chung sống, vợ chồng thường mâu thuẫn, nguyên nhân chính là vợ chồng không hợp nhau. Đầu năm 2017, chị H và anh X đều đi làm thuê mỗi người ở một nơi khác nhau nên vợ chồng không ai quan tâm đến nhau nữa và mâu thuẫn càng thêm căng thẳng chị và anh X cũng ly thân nhau từ đó đến nay.

Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải, nhưng mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện T, cho chị được ly hôn anh X.

- *Về con chung:* Chị và anh X, có 02 con chung là cháu Hà Khánh V, sinh ngày 16/8/2012 và cháu Hà Quang H, sinh ngày 01/9/2015. Khi ly hôn, chị đồng ý để các cháu cho anh X chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

- *Về chia tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:* Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Về phía bị đơn anh Hà Văn X: Anh X đã được thông báo về việc Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình giữa chị H và anh. Tại bản tự khai ngày 22/4/2021, anh X đã trình bày: Anh và chị H có đăng ký kết hôn, trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; tuy nhiên, anh mong muốn được Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ với nhau.

Về con chung: Anh X xác nhận, vợ chồng có con chung như chị H trình bày là đúng. Trong trường hợp vợ chồng ly hôn, anh đề nghị được nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản, công nợ, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn: Đề nghị Tòa án xem xét tình trạng quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh X cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để chấp nhận yêu cầu của chị H. Cho chị H được ly hôn anh X. Giao cho anh X được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh X không yêu cầu.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, Nguyên đơn đã chấp hành là đúng quy định của pháp luật; Bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Chị H và anh X kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung của vợ chồng không hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị H; cho chị H được ly hôn anh X. Về con chung: Đề nghị áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Hà Khánh V, sinh ngày 16/8/2012 và cháu Hà Quang H, sinh ngày 01/9/2015 cho anh X chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vì anh X không yêu cầu. Đối với quan hệ về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Về án phí dân sự, chị X phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Chị Lục Thị H có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ cho chị ly hôn anh Hà Văn X. Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh Hà Văn X về việc thụ lý vụ án ly hôn giữa chị H và anh. Anh X đã trình bày quan điểm, ý kiến của mình về yêu cầu của chị H. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án anh X cố ý vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và phiên hòa giải mặc dù Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Hà Văn X vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Tòa án nhân dân huyện T đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh X. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện T xét xử vắng mặt Nguyên đơn, Bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh X trước khi kết hôn có thời gian tự nguyện tìm hiểu. Ngày 28/9/2012, hai bên đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Quá trình chung sống, vợ chồng chị H và anh X không hòa thuận, hạnh phúc; thường xuyên có mâu thuẫn. Hai bên đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Việc vợ chồng mâu thuẫn đã được cả Nguyên đơn và Bị đơn xác nhận. Phía anh X không đồng ý ly hôn với chị H, vì cho rằng mâu thuẫn chỉ là nhỏ nhặt. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, anh cố ý vắng mặt, từ chối tham gia phiên họp hòa giải do Tòa án tiến hành. Như vậy, có thể thấy anh X đã từ chối bỏ các cơ hội để có thể trình bày nguyện vọng, mong muốn của mình về việc xin đoàn tụ với chị H. Chị H vẫn giữ nguyên quan điểm là xin ly hôn anh X.

Để xác định tình trạng hôn nhân của chị H và anh X, Tòa án đã tiến hành làm việc với đại diện chính quyền địa phương, khu dân cư nơi anh X và chị H thường trú được biết: Chị H và anh X trong cuộc sống có nhiều mâu thuẫn, cả hai đều đi làm xa, hai bên đã ly thân, nên đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa anh, chị theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị H, anh X không hòa thuận hạnh phúc; mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng; đời sống chung thực tế đã không còn; mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H được ly hôn anh X là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Hà Khánh V, sinh ngày 16/8/2012 và cháu Hà Quang H, sinh ngày 01/9/2015. Khi ly hôn, chị H tự nguyện đề nghị để các cháu cho anh X chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; phía anh X cũng đồng ý với quan điểm của chị H về việc nuôi con chung. Anh X không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Xét thấy: Nguyện vọng về việc nuôi con chung của chị H và anh X là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con chung khi được hỏi ý kiến. Mặt khác,

đại diện khu dân cư và chính quyền địa phương cho rằng: Hiện các con chung của chị H và anh X hiện đang ở ổn định cùng với anh X và ông bà nội, được nuôi dưỡng chu đáo; trường học ở gần nhà tiện cho việc đi lại nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cho anh X được trực tiếp nuôi cả hai con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao các con chung cho anh X là người trực tiếp, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp, chị H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vì anh X không yêu cầu.

2.3. *Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng*: Nguyên đơn, Bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vụ án trong phạm vi khởi kiện. Do đó, khi chị H, anh X có yêu cầu thì anh, chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định pháp luật.

2.4. *Về án phí*: Chị H là Nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

2.5. *Về quyền kháng cáo*: Anh X và chị H có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

2.6. Đề nghị của Kiểm sát viên và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Lục Thị H được ly hôn anh Hà Văn X.
2. *Về con chung*: Giao cho anh Hà Văn X được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hà Khánh V, sinh ngày 16/8/2012 và cháu Hà Quang H, sinh ngày 01/9/2015 đến khi từng cháu thành niên. Chị H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do anh X không yêu cầu. Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:*
Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.
4. *Án phí dân sự sơ thẩm:* Chị Lục Thị H phải chịu 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp là 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số: AA/2019/0003102 ngày 15/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ.
5. *Về quyền kháng cáo:* Chị Lục Thị H và anh Hà Văn X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai